

Số: 1051/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 16 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 923/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Vũ Thị Quế C1, sinh năm 1970

Địa chỉ: đường E, Phường F, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Quốc T và bà Vũ Thị Quế C1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Phạm Quốc T và bà Vũ Thị Quế C1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao 2 con chung tên Phạm Quốc H, sinh ngày 10/8/2003 và Phạm Đình C2, sinh ngày 19/7/2012 cho bà Vũ Thị Quế C1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Quốc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Quốc H, sinh ngày 10/8/2003 số tiền 1.800.000 đồng/tháng, có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Đình C2, sinh ngày 19/7/2012 số tiền 1.700.000 đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi các con chung lần lượt thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thực hiện.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Vũ Thị Quế C1 đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Quốc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung: Không có

2.5. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Quốc T chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0068579 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường B, quận C. (theo giấy chứng nhận kết hôn số 157/2002, quyền số 01/P09 ngày 01/11/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Tô Trần Ái Vy